

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 24/02/2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ;
- Ông Nguyễn Phú Hữu.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 875/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 169, đường 30/4, ấp AD, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 1D, đường LR, Phường M, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024).

2. **Bị đơn:** Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Tổ 40, Khóm 5, Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 03, đường NB, Tổ B, Khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Tấn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 03, đường NB, Tổ B, Khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Tấn L: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú Tổ 40, Khóm N, Phường S, thành phố CL, tỉnh

Đồng Tháp, tạm trú Số 03, đường NB, Tổ B, Khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2025).

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Tuấn D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 03, đường NB, Tổ B, Khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 381CD3, đường NG, Tổ C2, ấp HM, xã HA, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2024).

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có chị Nguyễn Thị Hồng D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khoảng tháng 8/2023, bà Nguyễn Thị Kim C với ông Phạm Tuấn D và chị Võ Thị Bích T là chỗ quen biết nên ông D và chị T có đề nghị vay bà C số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), mục đích vay là để ông D, chị T mua bán (địa điểm gần bến đò An Nhơn), không nói rõ thời hạn trả, khi nào bà C cần sẽ báo trước cho ông D, chị T để ông D và chị T biết và trả lại cho bà C số tiền nêu trên. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 1%/tháng. Bà C giao tiền mặt cho người nhận tiền là ông Phạm Tuấn D (là cha chồng của chị T), ông D nhận tiền và kiểm, đếm lại, giao tiền tại nhà bà C.

Sau đó hai bên có lập một biên nhận bà C không nhớ ngày. Ông D trả cho bà C được 4 tháng tiền lãi với số tiền 32.000.000 đồng, tiền lãi ông D giao trực tiếp cho bà C (không ghi biên nhận). Sau khi bà C nhận tiền lãi thì ông D yêu cầu bà C xé bỏ biên nhận, bà C đồng ý viết lại biên nhận mới đề ngày 09/12/2023 và chị T là người ký biên nhận. Do cũng là chỗ quen biết rất thân và việc mượn tiền cũng như khi giao tiền đều có mặt của ông D, chị T. Ông D và chị T là mối quan hệ “Cha chồng- nàng dâu” việc kinh doanh phục vụ chung cho gia đình nên bà C đồng ý theo yêu cầu của ông D. Hiện nay biên nhận lần đầu được hai bên viết khi giao tiền thì ông D đã xé bỏ nên bà C không còn giữ.

Đến cuối tháng 01/2024, bà C có cho chị T và ông D biết sẽ lấy lại số tiền vay. Chị T và ông D đồng ý trả nhưng cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không thực hiện việc trả tiền cho bà C.

Nay bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L và ông Phạm Tuấn D liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 800.000.000 đồng và số tiền lãi 92.960.000 đồng (tính từ ngày 09/12/2023 đến ngày 24/02/2025 làm tròn 14 tháng với lãi suất 0,83%/tháng), tổng số tiền gốc và tiền lãi là 982.960.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/01/2025 cho đến khi kết thúc vụ án.

Theo văn bản ý kiến ngày 08/01/2025 và tại tòa sơ thẩm, bị đơn chị Võ Thị Bích T và anh Phạm Tấn L trình bày: Vào ngày 09/02/2023, chị T cùng chồng là anh Phạm Tấn L có vay của bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 6%/tháng, thời hạn vay là khi được bà C thông báo trước 30 ngày trả tiền gốc. Tiền lãi được trả từng tháng, trả bằng tiền mặt là 48.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để mua bán thức ăn và nuôi cá. Vợ chồng chị T đóng tiền lãi cho bà C từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, mỗi tháng đóng tiền lãi bằng tiền mặt cho bà C với số tiền 48.000.000 đồng, mỗi lần đóng lãi sẽ viết lại biên nhận mới và bà C xé bỏ biên nhận cũ, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi đã đóng cho bà C.

Do việc làm ăn bị thua lỗ nên vợ chồng chị T ngưng đóng lãi từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Nay chị T đồng ý cùng chồng là anh Phạm Tấn L trả cho bà C số tiền vốn vay 800.000.000 đồng, chị T xin bà C cho vợ chồng chị được miễn tiền lãi từ tháng 01/2024 cho đến khi trả hết nợ cho bà C. Chị T không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phạm Tuấn D liên đới trả tiền vì đây là tiền vợ chồng chị T vay của bà C, ông D không biết, không ký tên vào giấy vay tiền và cũng không sử dụng số tiền.

Bị đơn anh Phạm Tấn L có chị Võ Thị Bích T đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh L thống nhất lời trình bày của chị Võ Thị Bích T, anh L xác định số tiền 800.000.000 đồng bà C đang khởi kiện là tiền vợ chồng anh L vay của bà C để mua bán thức ăn và nuôi cá, cha anh L là ông Phạm Tuấn D không biết và cũng không liên quan đến số tiền vợ chồng anh L vay của bà C, anh L là người trực tiếp nhận số tiền vay 800.000.000 đồng từ bà C, lúc nhận tiền có vợ chồng bà C và anh L tại nhà của bà C. Anh L đồng ý liên đới cùng chị T trả cho bà C số tiền vốn vay 800.000.000 đồng, xin bà C miễn tiền lãi phát sinh, không đồng ý ông D liên đới trả tiền theo yêu cầu của bà C. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi đã đóng cho bà C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Tuấn D có anh Phạm Đức T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Từ trước đến nay ông D không có vay tiền của bà C. Ông D không biết về khoản tiền anh L và chị T vay của bà C, ông D không thỏa thuận vay tiền, không nhận tiền vay và không sử dụng tiền vay, không ký biên nhận vay tiền như lời trình bày của phía nguyên đơn. Số tiền 800.000.000 đồng bà C đang khởi kiện là tiền nợ của anh L, chị T không liên quan đến ông D. Nay ông D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phạm Tuấn D liên đới cùng anh Phạm Tấn L, chị Võ Thị Bích T trả tiền cho bà Nguyễn Thị Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L, ông Phạm Tuấn D liên đới trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Võ Thị Bích T và Phạm Tấn L có địa chỉ tại Số 03, đường NB, Tổ B, Khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L, ông Phạm Tuấn D liên đới trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử nhận định:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án biên nhận đề ngày 09/12/2023. Nguyên đơn xác định ngoài biên nhận đề ngày 09/12/2023, nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo nội dung biên nhận ngày 09/12/2023 thể hiện nội dung chị Võ Thị Bích T vay của bà Nguyễn Thị Kim C 800.000.000 đồng, chị T ký tên và viết họ tên vào biên nhận. Biên nhận không thể hiện ông D là người vay tiền, biên nhận cũng không có chữ ký tên của ông D.

Nguyên đơn cho rằng vào tháng 8/2023, ông D và chị T là người vay của bà C số tiền 800.000.000 đồng, bà C giao tiền mặt cho người nhận tiền là ông Phạm Tuấn D, ông D nhận tiền và kiểm, đếm lại, giao tiền tại nhà bà C. Sau đó hai bên có lập một biên nhận bà C không nhớ ngày. Ông D trả cho bà C được 4 tháng tiền lãi với số tiền 32.000.000 đồng, tiền lãi ông D giao trực tiếp cho bà C (không ghi biên nhận). Sau khi bà C nhận tiền lãi thì ông D yêu cầu bà C xé bỏ biên nhận, bà C đồng ý viết lại biên nhận mới đề ngày 09/12/2023 và chị T là người ký biên nhận, mục đích ông D và chị T vay tiền để kinh doanh phục vụ chung cho gia đình.

Tuy nhiên, chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L và anh Phạm Đức T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn D cùng xác định số tiền vay 800.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 09/12/2023 do nguyên đơn cung cấp là nợ chung của vợ chồng chị T và anh L, mục đích chị T và anh L vay tiền của bà C để mua bán thức ăn và nuôi cá, ông D không phải là người vay tiền, không phải là người nhận tiền của bà C và ông D cũng không sử dụng số tiền chị T, anh L vay của bà C, số tiền vay cũng không phải để kinh doanh phục vụ chung cho gia đình như lời nguyên đơn trình bày. Chị T và anh L đồng ý liên đới trả cho bà C số tiền vốn vay 800.000.000 đồng. Chị T, anh L và ông D không đồng ý yêu cầu nguyên đơn về việc yêu cầu ông D liên đới cùng chị T và anh L trả tiền vay cho bà C.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định chị Võ Thị Bích T và anh Phạm Tấn L có vay của bà Nguyễn Thị Kim C số tiền vốn vay 800.000.000 đồng, khi đến thời hạn trả nợ vay chị T, anh L không thực hiện việc trả tiền cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Không có căn cứ xác định ông Phạm Tuấn D có trách nhiệm liên đới cùng chị T, anh L trả cho bà C số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L, ông Phạm Tuấn D liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 800.000.000 đồng, cụ thể chấp nhận yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L liên đới trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng cho bà C, không chấp nhận yêu cầu ông Phạm Tuấn D liên đới cùng chị T, anh L trả nợ vay cho bà C.

[2.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/02/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ 09/12/2023 đến ngày 24/02/2025 làm tròn 14 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 92.960.000 đồng. Chị T và anh L xin nguyên đơn miễn tiền lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Hội đồng xét xử nhận định, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi vay các bên có thỏa thuận bằng lời nói vay có tính lãi nhưng do các bên có tranh chấp về lãi suất cho vay nên yêu cầu của nguyên là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Về việc các đương sự trình bày có đóng tiền lãi cho bà C: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng do là người cao tuổi nên được miễn nộp; bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và số tiền lãi 92.960.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu chị Võ Thị Bích T, anh Phạm Tấn L, ông Phạm Tuấn D liên đới trả số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng và số tiền lãi là 92.960.000 đồng, tổng cộng

tiền vốn và tiền lãi là 892.960.000 đồng (Tám trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc chị Võ Thị Bích T và anh Phạm Tấn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng và số tiền lãi là 92.960.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 892.960.000 đồng (Tám trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu ông Phạm Tuấn D liên đới cùng chị Võ Thị Bích T và anh Phạm Tấn L trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi 92.960.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Bích T và anh Phạm Tấn L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 38.788.800 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Ông Phạm Tuấn D không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng